

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II - ĐỊA LÝ 9
Năm học 2021 – 2022

I. LÝ THUYẾT:

- Vùng Đông Nam Bộ.
- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên- môi trường biển, đảo.

II. THỰC HÀNH:

- Phân tích biểu đồ, lược đồ, bảng số liệu, at lát
- Các dạng biểu đồ đã học

III. MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO

Câu 1: Hai loại đất sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ ?

- A. đất xám và đất phù sa
- B. đất badan và đất feralit
- C. đất phù sa và đất feralit
- D. đất badan và đất xám

Câu 2: Khoáng sản quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. Than
- B. Dầu khí
- C. Bô xít
- D. Đồng

Câu 3: Thành phố nào sau đây ở Đông Nam Bộ có sức hút lớn nhất đối với lao động cả nước?

- A. Biên Hòa
- B. Thủ Dầu Một
- C. TP. Hồ Chí Minh
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu

Câu 4: Cây công nghiệp lâu năm nào sau đây được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ?

- A. Điều
- B. Cà phê
- C. Cao su
- D. Hồ tiêu

Câu 5: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. Thủy lợi
- B. Phân bón
- C. Bảo vệ rừng đầu nguồn
- D. Phòng chống sâu bệnh

Câu 6: Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ tập trung chủ yếu ở thành phố nào sau đây?

- A. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.
- B. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.
- C. TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.
- D. Biên Hòa, Vũng Tàu, Bình Dương.

Câu 7: Loại hình giao thông vận tải nào sau đây phát triển nhất vùng Đồng bằng Sông Cửu Long?

- A. Đường sông
- B. Đường sắt
- C. Đường bộ
- D. Đường biển

Câu 8: Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông nào sau đây?

- A. Đồng Nai.
- B. Mê Công.
- C. Thái Bình.
- D. Sông Hồng.

Câu 9: Vùng giàu khoáng sản nhất cả nước là vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 10: Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước là vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 11. Đảo không thuộc Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Hòn Khoai.
- B. Phú Quốc.
- C. Côn Đảo.
- D. Thổ Chu.

Câu 12: Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là

- A. 3160 km và khoảng 1 triệu km²
- B. 3260 km và khoảng 1 triệu km²
- C. 3460 km và khoảng 2 triệu km²
- D. 2360 km và khoảng 1 triệu km²

Câu 13: Vùng biển nước ta có bao nhiêu hòn đảo?

- A. 2000
- B. 3000
- C. 4000
- D. 5000

Câu 14: Dựa vào Atlas Việt Nam trang 4 và 5 cho biết tỉnh nào sau đây không giáp biển?

- A. Kiên Giang.
- B. Cà Mau.
- C. Sóc Trăng.
- D. Hậu Giang.

Câu 15. Kinh tế biển của nước ta không bao gồm ngành nào sau đây?

- A. Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản
- B. Công nghiệp và xây dựng

C. Du lịch biển – đảo

D. Giao thông hàng hải

Câu 16: Đi từ đất liền ra đến ranh giới vùng biển quốc tế, các bộ phận thuộc chủ quyền trên biển của nước ta lần lượt là

A. Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, đặc quyền về kinh tế.

B. Tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, , đặc quyền về kinh tế, nội thủy.

C. Lãnh hải, nội thủy, đặc quyền về kinh tế, tiếp giáp lãnh hải.

D. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền về kinh tế.

Câu 17. Đảo có diện tích lớn nhất nước ta là

A. Cát Bà

B. Côn Đảo

C. Phú Quý

D. Phú Quốc

Câu 18: Dựa vào Atlas Việt Nam trang 27 cho biết đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Hà Tĩnh.

B. Quảng Bình.

C. Quảng Trị.

D. Thừa Thiên – Huế.

Câu 19: Cho bảng số liệu: *Cơ cấu sử dụng lao động ở nước ta trong hai năm 1989 và 2000 (%)*

Khu vực	1989	2000
Nông, lâm, ngư nghiệp	71,5	62,5
Cung nghiệp - xây dựng	11,2	13,1
Dịch vụ	17,3	24,4

Dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện cơ cấu sử dụng lao động nước ta năm 1989 và năm 2005?

A. Tròn.

B. Miền.

C. Cột.

D. Đường.

Câu 20. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với vùng biển nước ta hiện nay?

A. Có đường bờ biển dài (3260 km)

B. Có 30/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giáp biển

C. Vùng biển rộng (khoảng 1 triệu km²)

D. Vùng biển nước ta có hơn 4000 đảo lớn, nhỏ.

Câu 21. Cát trắng là nguyên liệu cho công nghiệp thủy tinh, pha lê có nhiều ở địa phương nào?

A. Đảo Cát Bà và đảo Lý Sơn

B. Đảo Vân Hải và đảo Cam Ranh

C. Đảo Cát Bà và đảo Phú Quý

D. Đảo Vân Hải và đảo Lý Sơn

Câu 22: Cảng biển có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

A. Đà Nẵng

B. Hải Phòng

C. Dung Quất

D. Sài Gòn

Câu 23. Các bãi biển xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam của nước ta là

A. Nhật Lệ, Đồ Sơn, Nha Trang, Mũi Né.

B. Đồ Sơn, Nha Trang, Mũi Né, Nhật Lệ.

C. Đồ Sơn, Nhật Lệ, Nha Trang, Mũi Né.

D. Đồ Sơn, Nhật Lệ, Mũi Né, Nha Trang.

Câu 24. Tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất ở vùng biển nước ta là

A. cát trắng

B. muối khoáng

C. dầu mỏ và khí tự nhiên.

D. oxit titan

Câu 25. Huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây?

A. Đà Nẵng

B. Phú Yên.

C. Quảng Ninh

D. Khánh Hòa

Câu 26. Nghề làm muối ở nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng nào sau đây?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ

B. Bắc Trung Bộ

C. Đồng bằng sông Hồng

D. Tây Nguyên

Câu 27. Du lịch biển của nước ta hiện nay chủ yếu tập trung khai thác hoạt động nào sau đây?

A. Thể thao trên biển

B. Lặn biển

C. Tắm biển

D. Khám phá các đảo

Câu 28. Trong các tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, tỉnh nào sau đây giáp biển?

A. Sơn La.

B. Bắc Giang.

C. Lạng Sơn.

D. Quảng Ninh.

Câu 29: Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

A. Móng Cái đến Vũng Tàu.

B. Vũng Tàu đến mũi Cà Mau.

C. Móng Cái đến Hà Tiên.

D. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên.

Câu 30. Trong các vùng kinh tế của nước ta, vùng nào sau đây *không* giáp biển?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Tây

Nguyên.

Câu 31. Hệ thống các đảo ven bờ của nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển của các tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hoà, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- B. Hải Phòng, Khánh Hoà, Kiên Giang, Thái Bình.
- C. Quảng Ninh, Khánh Hoà, Kiên Giang, Cà Mau.
- D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hoà, Kiên Giang.

Câu 32. Trong các đảo ven bờ của nước ta, đảo có diện tích lớn nhất thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ninh.
- B. Hải Phòng.
- C. Khánh Hoà.
- D. Kiên Giang.

Câu 33. Tổng trữ lượng hải sản ở vùng biển nước ta vào khoảng

- A. 2 triệu tấn.
- B. 3 triệu tấn.
- C. 4 triệu tấn.
- D. 5 triệu tấn.

Câu 34. Vịnh biển nào sau đây đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên của thế giới ?

- A. Vịnh Hạ Long.
- B. Vịnh Nha Trang.
- C. Vịnh Vân Phong.
- D. Vịnh Bắc Bộ.

Câu 35. Cát trắng là nguyên liệu dùng chủ yếu cho ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Thủy tinh, pha lê.
- B. Hoá chất.
- C. Vật liệu xây dựng.
- D. Điện.

Câu 36: Vùng trọng điểm lúa lớn nhất nước ta là vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 37. Ở nước ta, cát trắng có nhiều nhất ở vùng biển nào sau đây?

- A. Đảo Vân Hải và Cam Ranh.
- B. Đảo Cát Bà và Phú Quý.
- C. Đảo Côn Đảo và Phú Quốc.
- D. Đảo Lý Sơn và Bạch Long Vĩ.

Câu 38. Trong các nhận định sau đây, nhận định nào chưa chính xác?

- A. Tài nguyên sinh vật biển của nước ta đang dần cạn kiệt.
- B. Ô nhiễm môi trường biển có xu hướng gia tăng.
- C. Một số loài hải sản có nguy cơ tuyệt chủng (như cá mè, cá chày,...).
- D. Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta có xu hướng ngày càng tăng.

Câu 32. Huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/ thành phố nào sau đây?

- A. Đà Nẵng
- B. Phú Yên.
- C. Quảng Ninh
- D. Khánh Hòa

Câu 39. Các đảo có điều kiện thích hợp nhất để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển là:

- A. Cô Tô, Cái Bầu, Thổ Chu
- B. Lý Sơn, Cù Lao Chàm, Hòn Khoai
- C. Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc
- D. Các đảo trong vịnh Hạ Long

Câu 40: Trong 7 vùng kinh tế nước ta, vùng có dân số đông nhất là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 41: Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành:

- A. Sản xuất vật liệu xây dựng
- B. Sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. Công nghiệp cơ khí.
- D. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

Câu 42: Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Xâm nhập mặn
- B. Cháy rừng
- C. Triều cường
- D. Thiếu nước ngọt

Câu 43: Một trong những hoạt động đang được ưu tiên của ngành thủy sản nước ta hiện nay là

- A. phát triển khai thác hải sản xa bờ.
- B. tập trung khai thác hải sản ven bờ.
- C. đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.
- D. hình thành các cảng cá dọc bờ biển.

Câu 44: Cánh đồng muối Cà Ná nổi tiếng nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi
- B. Bình Định
- C. Bình Thuận
- D. Ninh Thuận

Câu 45: Nước ta có bao nhiêu tỉnh/ thành phố giáp biển?

- A. 28/36
- B. 29/63
- C. 27/63
- D. 30/63

Câu 46: Ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của vùng ĐBSCL là

- A. sản xuất vật liệu xây dựng.
- B. sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. chế biến lương thực, thực phẩm.
- D. cơ khí nông nghiệp.

Câu 47: Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết hai trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm lớn nhất ở ĐBSCL là

- A. Cần Thơ và Bạc Liêu.
- B. Cần Thơ và Long An.
- C. Cần Thơ và Cà Mau.
- D. Cần Thơ và Rạch Giá.

Câu 48: Đặc điểm khí hậu của ĐBSCL thuận lợi cho phát triển nông nghiệp là

- A. có hai mùa mưa – khô rõ rệt.
- B. mùa khô sâu sắc kéo dài.
- C. nóng ẩm, lượng mưa dồi dào.
- D. nguồn nước trên mặt phong phú.

Câu 49: ĐBSCL giáp với Campuchia ở phía

- A. bắc và tây bắc.
- B. tây.
- C. tây nam.
- D. tây bắc.

Câu 50: Nhóm đất phù sa ngọt ở ĐBSCL phân bố tập trung chủ yếu ở

- A. Đồng Tháp Mười và Hà Tiên.
- B. dọc sông Tiền và sông Hậu.
- C. hạ lưu sông Tiền và sông Hậu.
- D. ven biển Đông và vịnh Thái Lan.